

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17
Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho 6 tháng đầu của năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Nha Trang, tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 5813 Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		880.641.399.123	796.971.103.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.779.353.279	231.433.968.864
1. Tiền	111		88.729.353.279	129.383.968.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000	102.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.200.000.000	36.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	41.200.000.000	36.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		524.950.912.695	360.553.891.373
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	388.700.860.453	282.258.218.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	84.860.233.114	31.320.485.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	53.306.739.367	48.892.108.033
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.916.920.239)	(1.916.920.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		177.994.530.643	138.356.736.398
1. Hàng tồn kho	141	V.7	177.994.530.643	138.356.736.398
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.716.602.506	30.426.507.089
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	750.318.546	1.252.143.796
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.598.602.975	28.145.424.210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	1.367.680.985	1.028.939.083
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 581B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		554.953.814.244	525.984.187.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.740.718.503	10.730.852.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.740.718.503	10.730.852.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		206.642.344.789	172.873.891.238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	194.055.673.983	160.136.487.382
- Nguyên giá	222		353.441.554.015	325.599.436.031
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(159.385.880.032)	(165.462.948.649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.586.670.806	12.737.403.856
- Nguyên giá	228		14.978.937.376	14.978.937.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.392.266.570)	(2.241.533.520)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		154.541.222.213	158.674.978.077
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	154.541.222.213	158.674.978.077
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		147.358.590.241	152.358.590.241
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28.000.000.000	28.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	117.358.590.241	117.358.590.241
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.000.000.000	7.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.670.938.498	31.345.876.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	35.670.938.498	31.345.876.098
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.435.595.213.367	1.322.955.291.381

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		948.484.859.258	805.731.565.285
I. Nợ ngắn hạn	310		924.484.859.258	781.731.565.285
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	275.653.013.110	139.129.361.424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	947.476.766	656.297.435
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	-	19.887.401
4. Phải trả người lao động	314	V.15	11.204.110.000	18.243.257.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5.671.749.184	5.743.548.940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5.650.393.476	5.239.088.467
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	613.231.305.943	598.341.638.839
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	12.126.810.779	14.358.485.779
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	24.000.000.000	24.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		487.110.354.109	517.223.726.096
I. Vốn chủ sở hữu	410		487.110.354.109	517.223.726.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17.957.399.540	17.957.399.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	281.152.954.569	300.266.326.556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		279.732.953.877	219.236.521.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.420.000.692	81.029.805.063
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.435.595.213.367	1.322.955.291.381

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 07 năm 2022


Nguyễn Mạnh Tiên
Người lập biểu

Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởngNgô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố, Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Đơn vị tính: VND		
		Quý 2.2022	Lũy kế Năm nay	Quý 2.2021	Lũy kế Năm Trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	376.915.417.060	700.054.264.326	260.524.582.853	456.641.762.819
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.142.528.984	4.380.426.235	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		372.772.888.076	695.673.838.091	260.524.582.853	456.641.762.819
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	310.314.260.312	593.097.516.902	229.859.862.472	398.603.885.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.458.627.764	102.576.321.189	30.664.720.381	58.037.877.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.740.176.294	18.419.567.239	3.670.846.389	8.400.637.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	14.509.588.193	21.602.682.910	4.384.935.106	9.198.907.770
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.846.539.373	5.408.630.015	1.356.846.706	3.236.183.835
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	46.970.709.961	79.850.139.428	18.464.965.392	37.022.373.670
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.236.705.805	18.884.736.858	10.180.837.757	17.320.458.794
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		481.800.099	658.329.232	1.304.828.515	2.896.774.876
11. Thu nhập khác	31	VI.8	103.440.647	765.578.358	95.558.455	116.011.637
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.504.328	3.906.898	103.869.554	607.233.079
13. Lợi nhuận khác	40		100.936.319	761.671.460	(8.311.099)	(491.221.442)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		582.736.418	1.420.000.692	1.296.517.416	2.405.553.434
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-	846.312.852	846.312.852
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		582.736.418	1.420.000.692	450.204.564	1.559.240.582
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 07 năm 2022


 Nguyễn Mạnh Tiến
 Người lập biểu


 Nguyễn Đạt Tiến
 Kế toán trưởng


 Ngô Vănphen
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm nay	Quý I Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.420.000.693	2.405.553.434
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	14.758.329.840	10.322.200.971
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	11.775.603.399	1.755.668.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(2.449.480.898)	(1.220.778.537)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.995.019.056	3.762.511.691
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		31.499.472.090	17.025.155.755
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(185.129.137.828)	(36.348.292.354)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(39.637.794.245)	(107.093.799.838)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		130.167.626.132	84.468.859.466
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(3.823.237.150)	853.123.226
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.5	(5.919.643.602)	(3.854.186.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	-	(4.088.549.795)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(2.557.278.680)	(2.110.228.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(75.399.993.283)	(51.147.918.003)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(39.922.284.096)	(68.280.912.785)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		705.474.411	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	1.763.382.927	1.472.926.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.453.426.758)	(54.787.985.961)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	698.373.620.262	534.968.912.016
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(697.131.789.225)	(561.978.894.765)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31.207.769.000)	(19.927.769.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.965.937.963)	(46.937.751.749)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(142.819.358.004)	(152.873.655.713)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	231.433.968.864	187.379.463.840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		164.742.418	(5.385.308)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	88.779.353.279	34.500.422.819

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 07 năm 2022


Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập biểu

Nguyễn Dân Tiên
Kế toán trưởngNgô Văn Ich
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	66.53%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	Số 310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.151 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.076 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá do Công ty mẹ quy định (áp dụng tỷ giá 22.580 VND/USD).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty con

Các công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào các công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập khi các công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại các công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại các công ty con. Nếu các công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.779.623.575	1.562.898.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.949.729.704	127.821.070.197
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	50.000.000	102.050.000.000
Cộng	<u>88.779.353.279</u>	<u>231.433.968.864</u>

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty con	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.358.590.241	-	-	117.358.590.241	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSP ⁽ⁱⁱⁱ⁾	72.094.580.000	-	-	72.094.580.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(iv)	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(v)	15.858.536.950	-	-	15.858.536.950	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	6.930.000.000	-	-	6.930.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(vi)	285.310.000	-	625.037.300	285.310.000	-	825.814.100
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-	-	20.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	-	-	-	-	-	-
Cộng	145.358.590.241	-	-	145.358.590.241	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700527019 điều chỉnh lần thứ 3 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 66,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 841.611 cổ phiếu tương đương 66,53% vốn điều lệ.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn sở hữu 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89.

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSP.

(iv) Tại ngày kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn thực tế đã góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201718380 điều chỉnh lần thứ 02 ngày 15 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Green World Nha Trang tương đương 4,1% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty còn sở hữu chéo thông qua Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F.89 với tỷ lệ vốn góp là 4,5% vốn điều lệ.
- (vi) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.178.852.182	554.729.064
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	-	24.572.727
Doanh thu bán hàng	17.618.182	24.572.727
Doanh thu dịch vụ khác	4.090.909	-
Mua hàng nội địa	16.988.475.660	1.889.665.536
Nhận Ủy thác hàng xuất khẩu	137.900.415.371	88.632.024.594

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	62.798.503.575	44.468.187.251
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	23.899.169.577	22.754.497.040
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	9.800.247.315	9.107.047.483
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	28.768.528.318	12.170.829.682
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	17.568.000	5.050.000
Công ty Cổ phần Onsen	287.389.455	390.335.864
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	23.890.910	23.836.364
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	1.710.000	16.590.818
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm NTSF	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	325.902.356.878	237.790.031.286
Công ty NTSF Company, Inc	60.955.638.150	62.939.040.400
Công ty Seafood Connection B.V	53.017.880.080	29.504.567.956

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Thalassa Seafoods NV	30.193.254.806	14.469.342.535
Công ty LP Foods Pte, Ltd	42.935.782.225	47.567.960.328
Phải thu các khách hàng khác	138.799.801.617	83.309.120.067
Cộng	<u>388.700.860.453</u>	<u>282.258.218.537</u>

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	<u>58.601.347.141</u>	<u>11.566.111.153</u>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	58.597.387.141	11.562.151.153
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	3.960.000	3.960.000
Công ty Cổ Phần Onsen	-	-
Ông Ngô Văn Ích – Giám đốc	-	-
Trả trước cho các người bán khác	<u>26.258.885.973</u>	<u>19.754.373.889</u>
Công ty TNHH Điện Lạnh Miền Tây	-	8.797.898.503
Công Ty TNHH Anh Phát	10.412.168.000	-
CTy TNHH TM XNK&XD Điện Hưng Thịnh Phát	3.882.804.651	3.451.381.912
Các khách hàng khác	11.963.913.322	7.505.093.474
Cộng	<u>84.860.233.114</u>	<u>31.320.485.042</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>53.306.739.367</u>	-	<u>48.892.108.033</u>	-
Tạm ứng	52.204.301.943	-	47.063.320.793	-
Bảo hiểm xã hội	4.107.041	-	21.532.286	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu	547.674.383	-	432.473.423	-
Thuế TNCN còn phải thu	-	-	600.911.804	-
Các khoản phải thu khác	550.656.000	-	773.869.727	-
Cộng	<u>53.306.739.367</u>	<u>-</u>	<u>48.892.108.033</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.740.718.503	-	11.221.544.003	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	4.500.000.000	-	5.000.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ^(iv)	80.852.003	-	71.544.003	-
- Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa ^(v)	9.866.500	-	-	-
Cộng	10.740.718.503	-	11.221.544.003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án "Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch – Thương mại và trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17" tại số 2-4 đường Bãi Dương.

(iii) Ký quỹ thực hiện dự án "Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao".

(iv) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mô nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

(v) Ký quỹ thực hiện dự án "Khai thác và sử dụng nước khoáng giếng khoan HT1-Mô nước khoáng Hòn Thơm, Vĩnh Ngọc, NT"

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.916.920.239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.931.941.239
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(15.021.000)
Số cuối năm	1.916.920.239	1.916.920.239

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.945.197.406	-	13.325.875.731	-
Công cụ, dụng cụ	1.299.030.737	-	165.785.702	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.955.926.106	-	-	-
Thành phẩm	151.572.216.252	-	124.693.111.899	-
Hàng hóa	222.160.142	-	171.963.066	-
Cộng	177.994.530.643	-	138.356.736.398	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	47.649.751	88.261.672
Công cụ dụng cụ	434.088.792	575.710.509
Chi phí bảo hiểm	268.580.003	588.171.615
Cộng	750.318.546	1.252.143.796

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	17.751.401.851	17.876.953.015
Chi phí công cụ dụng cụ	13.425.477.491	7.674.668.142
Chi phí sửa chữa	4.059.059.156	5.098.557.949
Chi phí đền bù	435.000.000	450.000.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	245.696.992
Cộng	35.670.938.498	31.345.876.098

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	115.184.751.767	174.001.571.660	35.563.370.513	849.742.091	325.599.436.031
Mua trong năm	1.319.093.481	6.126.606.276	1.037.941.852	-	8.483.641.609
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	39.825.719.182	352.000.000	-	-	40.177.719.182
Thanh lý, nhượng bán	(858.489.594)	(19.960.753.213)	-	-	(20.819.242.807)
Số cuối năm	155.471.074.836	160.519.424.723	36.601.312.365	849.742.091	353.441.554.015
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.604.606.396	27.868.465.050	9.076.484.829	435.378.355	40.984.934.630

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.156.352.075	109.455.511.891	20.286.194.431	564.890.252	165.462.948.649
Khấu hao trong năm	6.282.406.614	6.876.999.754	1.405.050.747	43.139.675	14.607.596.790
Thanh lý, nhượng bán	(853.304.662)	(19.831.360.745)	-	-	(20.684.665.407)
Số cuối năm	40.585.454.055	96.501.150.872	21.691.245.178	608.029.927	159.385.880.032
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	80.028.399.692	64.546.059.797	15.277.176.082	284.851.839	160.136.487.382
Số cuối năm	114.885.620.781	64.018.273.851	14.910.067.187	241.712.164	194.055.673.983
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 62.013.945.397 Nam - Chi nhánh Khánh Hòa; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang (xem thuyết minh số V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
Số cuối năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.954.033.520	287.500.000	2.241.533.520
Khấu hao trong năm	131.733.050	19.000.000	150.733.050
Số cuối năm	2.085.766.570	306.500.000	2.392.266.570
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.652.903.856	84.500.000	12.737.403.856
Số cuối năm	12.521.170.806	65.500.000	12.586.670.806
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm		Số cuối năm		
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	158.540.372.200	11.096.217.901	(40.177.719.182)	(8.447.076.673)	154.541.222.213
- Dự án Trung tâm thương mại - 777 Lê Hồng Phong	109.676.516.167	12.161.050.317	-	-	121.837.566.484
- Các công trình vùng nuôi	45.694.400.414	3.621.385.800	(40.177.719.182)	(8.150.723.606)	987.343.426
- Sửa chữa lớn NM17		28.543.569.938			28.543.569.938
- Các công trình khác	3.169.455.619	3.286.746	-	-	3.172.742.365
Sửa chữa lớn tài sản cố định	134.605.877	161.747.190	-	(296.353.067)	-
Cộng	158.674.978.077	44.491.039.991	(40.177.719.182)	(8.447.076.673)	154.541.222.213

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	239.727.880.000	112.009.967.672
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	65.491.299.469	14.923.072.914
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	63.164.612.016	28.738.044.696
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	111.067.596.515	68.348.850.062
Công ty Cổ phần Onsen	4.372.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	35.976.133.110	27.119.393.752
Công ty CP Vận Tải AO SHIPPING	6.260.452.986	
Công ty TNHH Vina Foods Kyoiei	5.652.430.204	
Các nhà cung cấp khác	22.230.479.670	27.119.393.752
Cộng	275.653.013.110	139.129.361.424

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Nowaco A/S	-	645.283.584
Công ty Ally Sphere Food Corp.	409.168.075	-
Công ty Qingdao New Ocean Line Co., Ltd.	447.294.840	-
Công ty Liderfil Sociedad Anonima	-	-
Các khách hàng khác	91.013.851	11.013.851
Cộng	947.476.766	656.297.435

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	562.233.572	(562.233.572)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.028.939.083	-	-	-	1.028.939.083

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	19.887.401	-	1.769.890.442	(2.128.519.745)	-	338.741.902
Thuế tài nguyên	-	-	44.256.000	(44.256.000)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	67.566.575	(67.566.575)	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	1.360.000	(1.360.000)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	19.887.401	1.028.939.083	2.453.306.589	(2.811.935.892)	-	1.367.680.985

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo qui định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Ngoài ra, Công ty chưa nộp tiền thuê đất năm 2021 tại thửa số 58B đường 2/4, Nha Trang do chưa nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa chưa phê duyệt việc chuyển hình thức sử dụng từ đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	3.386.854.298	2.796.102.957
Chi phí lãi vay phải trả	728.306.095	652.930.641
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.556.588.791	2.294.515.342
Cộng	<u>5.671.749.184</u>	<u>5.743.548.940</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>317.375</i>	<i>317.375</i>
Thù lao Hội đồng quản trị	317.375	317.375
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.062.980.327</i>	<i>5.238.771.092</i>
Kinh phí công đoàn	4.098.004.776	3.943.120.536
Bảo hiểm xã hội	-	19.279.485
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.191.787.850	916.087.596
Cộng	<u>5.650.393.476</u>	<u>5.239.088.467</u>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	240.568.492.948	173.572.737.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	268.045.654.937	311.205.853.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.703.232.000	96.060.875.625
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	3.913.926.058	17.502.171.924
Cộng	<u>613.231.305.943</u>	<u>598.341.638.839</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu-Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	598.341.638.839
Số tiền vay phát sinh	705.304.032.236
Số tiền vay đã trả	(697.131.789.225)
Đánh giá lại số dư cuối năm	6.717.424.093
Số cuối năm	<u>613.231.305.943</u>

18b. Vay dài hạn

Số cuối năm là khoản vay Công ty Cổ phần Green World Nha Trang (là bên liên quan) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	24.000.000.000
Số cuối năm	<u>24.000.000.000</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	10.240.625.491	-	(1.516.069.000)	8.724.556.491
Quỹ phúc lợi	4.117.860.288	-	(715.606.000)	3.402.254.288
Cộng	14.358.485.779	-	(2.231.675.000)	12.126.810.779

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	199.000.000.000	17.957.399.540	238.224.679.327	455.182.078.867
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(19.927.769.000)	(19.927.769.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	91.077.129.143	91.077.129.143
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	(9.107.712.914)	(9.107.712.914)
Số dư cuối năm trước	199.000.000.000	17.957.399.540	300.266.326.556	517.223.726.096
Số dư đầu năm nay	199.000.000.000	17.957.399.540	300.266.326.556	517.223.726.096
Giảm vốn theo nghị quyết ĐHCHĐ 2022	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm nay	-	-	(31.207.769.000)	(31.207.769.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	1.420.000.692	1.420.000.692
Phải trả thù lao HĐQT và BKS	-	-	(325.603.680)	(325.603.680)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	17.957.399.540	288.821.325.750	487.110.354.108

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 199.000.000.000 VND, chi tiết theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Ngô Văn Ích	18.800.000.000	64.034.540.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	61.078.590.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	37.209.940.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	70.911.470.000	75.594.930.000
Cộng	188.000.000.000	199.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền ngoại tệ chỉ có 3,224,831.31 USD (số đầu năm là 4.242.607,41 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***1a. Tổng doanh thu*

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	369.117.717.493	689.285.027.424	255.770.056.583	447.816.911.537
Doanh thu nhà hàng	4.421.072.827	6.118.259.167	1.591.617.406	4.098.353.816
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.272.270.721	4.448.934.235	3.031.662.762	4.311.797.191
Doanh thu cung cấp vật tư	104.356.019	202.043.500	131.246.102	414.700.275
Cộng	376.915.417.060	700.054.264.326	260.524.582.853	456.641.762.819

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	237.897.251	-	-
Hàng bán bị trả lại	4.142.528.984	4.142.528.984	-	-
Cộng	4.142.528.984	4.380.426.235	-	-

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	307.641.319.270	589.252.676.674	227.843.846.772	394.957.810.415
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.583.755.908	3.653.281.475	913.546.292	2.386.392.342
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.869.445	4.844.403	991.498.636	1.085.734.999
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	86.315.689	186.714.350	110.970.772	173.947.704
Cộng	310.314.260.312	593.097.516.902	229.859.862.472	398.603.885.460

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	724.293.376	1.878.583.887	479.203.985	1.220.778.537
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.015.282.918	16.514.803.352	3.191.642.404	7.179.859.214
Cô tức, lợi nhuận được chia	-	24.680.000	-	-
Chiết khấu thanh toán	600.000	1.500.000	-	-
Cộng	7.740.176.294	18.419.567.239	3.670.846.389	8.400.637.751

5. Chi phí tài chính

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Chi phí lãi vay	3.142.955.811	5.995.019.056	1.883.174.562	3.762.511.691
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.247.659.056	3.831.986.005	746.092.348	1.347.955.121
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.118.898.876	11.775.603.399	1.755.668.196	4.088.440.958
Chi phí khác	74.450	74.450	-	-
Cộng	14.509.588.193	21.602.682.910	4.384.935.106	9.198.907.770

6. Chi phí bán hàng

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.924.121.325	3.645.446.282	1.789.059.302	3.777.842.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.715.992	464.838.557	236.165.293	473.513.605
Chi phí điện	1.575.481.764	3.082.567.165	1.628.993.743	3.189.500.117
Chi phí vận chuyển quốc tế	26.353.097.990	45.740.456.423	7.478.533.318	14.073.198.547
Chi phí vận chuyển nội địa	3.452.364.199	5.501.138.847	1.932.075.080	3.232.756.364
Chi phí hoa hồng môi giới	2.568.850.666	4.025.311.317	1.509.260.710	2.509.193.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.289.259.653	13.949.565.753	1.413.142.937	5.438.897.854
Chi phí khác	1.576.818.372	3.440.815.084	2.477.735.009	4.327.471.236
Cộng	46.970.709.961	79.850.139.428	18.464.965.392	37.022.373.670

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.907.191.746	7.060.767.339	4.075.437.940	7.393.576.530
Chi phí vật liệu quản lý	18.378.902	37.609.961	101.677.272	224.523.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	626.041.522	1.255.734.684	717.930.599	1.428.710.089
Thuế, phí và lệ phí	175.552.408	431.019.168	221.225.559	410.488.653

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Chi phí vụ kiện	-	3.893.017.800	1.761.657.856	1.761.657.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.240.424	825.186.063	86.704.615	312.187.021
Các chi phí khác	3.400.300.803	5.381.401.843	3.216.203.916	5.789.315.431
Cộng	8.236.705.805	18.884.736.858	10.180.837.757	17.320.458.794

8. Thu nhập khác

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	570.897.011	-	-
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	68.440.647	68.440.647	75.558.454	89.991.636
Các khoản thu nhập khác	103.440.647	126.240.700	20.000.001	26.020.001
Cộng	103.440.647	765.578.358	95.558.455	116.011.637

9. Chi phí khác

	Quý 2 Năm nay	Lũy kế Năm nay	Quý 2 Năm trước	Lũy kế Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp thuế	17.305	17.305	46.720.626	480.464.851
Các khoản chi phí khác	2.487.023	3.889.593	57.148.928	126.768.228
Cộng	2.504.328	3.906.898	103.869.554	607.233.079

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nha Trang, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập

Nguyễn Dân Tiên
Kế toán trưởng



Ngô Văn Têh
Giám đốc